TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 24/2022/DS - ST
Ngày: 13/4/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2021/TLST - DS ngày 27/4/2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐST - DS ngày 09/3/2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Đỗ Thị C, sinh năm: 1960;

- Ông La Thành Đ, sinh năm: 1979;

- Ông La Thành Đ1, sinh năm : 1981

- Ông La Thành P, sinh năm : 1991

- Ông La Thành L, sinh năm : 1984

Ông Đ, ông Đ1, ông P, ông L cùng ủy quyền cho bà Đỗ Thị C

Cùng trú tại: ấp A, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

Bị đơn :

- Bà Huỳnh Thị H, sinh năm : 1965

- Bà Diếp Thị Hồng T, sinh năm : 1985

- Ông Diếp Hoàng G, sinh năm : 1987

Bà T, ông G cùng ủy quyền cho bà Huỳnh Thị H

Cùng trú tại: ấp A, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/21/2021 của các nguyên đơn bà Đỗ Thị C, ông La Thành Đ, ông La Thành Đ1, ông La Thành P, ông La Thành L, trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Đỗ Thị C trình bày:

Ngày 21/01/2020 bà H cùng các con có vay của bà C 100.000.000 đồng với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng.

Ngày 25/4/2020 bà H cùng các con bà H có mượn của bà C số tiền 50.000.000 đồng, không có lãi suất thời hạn vay đến ngày 15/5/2020.

Do đến thời hạn vay nhưng bà H cùng các con không trả tiền đúng như cam kết nên bà C khởi kiện yêu cầu bà H cùng các con là Diếp Thị Hồng T, Diếp Hoàng G cùng liên đới trả số tiền vay gốc tổng cộng là 150.000.000 đồng. Và yêu cầu tính lãi như sau:

- Phần tiền vay của ngày 21/02/2020 là 100.000.000 x 0,875% x 23 tháng = 20.125.000 đồng.

- Phần tiền vay ngày 25/4/2020 là 50.000.000 x 0,875% x 21 tháng = 9.187.500 đồng.

Tổng cồng bà C yêu cầu bà H cùng các con trả số tiền gốc và lãi là 179.313.000 đồng.

* *Trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày*:

Tính đến thời điểm ngày 21/01/2020 dương lịch bà H và các con của bà H còn nợ ông D và bà C số tiền 69.000.000 đồng, nhưng tiền nợ này là tiền nợ vay bạc ngày và đóng lãi cao nên bà và ông D, bà C thõa thuận cho bà vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/năm có biên nhận đề ngày 21/01/2020. Biên nhận này là do ông D đọc cho bà viết nội dung rồi ký tên và ghi họ tên. Do trước đó còn nợ bà C, ông D số tiền 69.000.000 đồng nên ngày 21/01/2020 bà chỉ nhận 31.000.000 đồng. Sau khi vay bà đóng lãi cho bà C ông D 13 tháng với số tiền là 11.950.000 đồng đến tháng 02/2021 thì ngưng không đóng lãi cho đến

nay. Tiền vay của vợ chồng ông D, bà C là do bà H trực tiếp nhận, các con của bà là T và G không có nhận tiền và không có sử dụng tiền nên không có liên quan trong vụ án này. Bà H đồng ý trả cho vợ chồng ông Duyệt, bà C số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà H đã trả lãi cho vợ chồng bà C, ông D đến tháng 12 năm 2020.

Ngày 25/4/2020 bà H có vay của ông D số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 1.135 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Sau đó bà H đã trả xong cho ông D, khi trả bà C có chứng kiến nhưng không biết bà C có thấy bà H đưa tiền trực tiếp cho ông D hay không, do tin tưởng ông D nên không có làm biên bản giao nhận tiền. Hiện nay ông D đã mất nên không có đối chất được với ông D.

Tại phiên Tòa:

* Bà C trình bày: Yêu cầu bà H cùng các con trả số tiền 179.313.000 đồng, trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi 29.313.000 đồng.

* Bà H trình bày: đồng ý trả cho bà C và ông D số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng. Số tiền 50.000.000 đồng bà mượn ngày 25/4/2020 bà đã trả xong cho ông D nên bà không đồng ý tiếp tục trả cho bà C và không đồng ý yêu cầu tính lãi số tiền 29.313.000 đồng của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét việc các nguyên đơn cũng như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị H cùng các con bà H là Diếp Thị Hồng T, Diếp Hoàng G cùng liên đới trả số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là 179.313.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Bà Huỳnh Thị H thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho bà Đỗ Thị C số tiền vay 100.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 21/01/2020, đây là lời thừa nhận của bị đơn, là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù các con của bà H không có ký vào biên nhận mượn tiền với bà C nhưng bà H thừa nhận mượn tiền của bà C về làm ăn và trang trải cho cuộc sống gia đình. Do đó, bà C yêu cầu bà H và các con của bà H có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay là 100.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng có biên nhận mượn tiền ngày 25/4/2020 bà C yêu cầu bà H cùng các con bà H phải trả số tiền nợ gốc và lãi số tiền này. Bà H cho rằng đã trả số tiền này cho chồng bà C là ông D nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bởi vì trong quá trình tố tụng ngày 07/7/2021 Tòa án đã thông báo cho bà H giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh là đã trả tiền gốc và lãi số tiền 53.120.000 đồng cho ông D chồng bà C, nhưng hết thời hạn theo quy định bà H vẫn chưa cung cấp các chứng cứ tài liệu này cho Tòa án. Vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà C.

[3] Bà C yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 29.313.000đ, thấy rằng cả hai bên đương sự đều thừa nhận là khi vay tiền có biên nhận nhận nợ và có thõa thuận lãi suất và việc thõa thuận lãi suất không vượt quá quy định của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà C, ông Đ, ông Đ1, ông P, ông L được chấp nhận chấp nhận với số tiền 179.313.000đ nên bà Huỳnh Thị H cùng các con là Diếp Thị Hồng T, Diếp Hoàng G phải nộp án phí là: 179.313.000đ x 5% = 8.965.000đ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 463, 464, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đỗ Thị C, Ông La Thành Đ, ông La Thành Đ1, ông La Thành P, La Thành L buộc bà Huỳnh Thị H, bà Diếp Thị Hồng T và ông Diếp Hoàng G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C, ông Đ, ông Đ1, ông P và ông L số tiền là 179.313.000đ (Một trăm bảy mươi chín triệu ba trăm mười ba ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 29.313..000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm mười ba ngàn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H, bà Diếp Thị Hồng T, và ông Diếp Hoàng G phải nộp là: 8.965.500 (Tám triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm) đồng.

- Trả lại cho bà Đỗ Thị C, La Thành Đ, La Thành Đ1, La Thành P, La Thành L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0000446 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu H sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn Long